

ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG QUI ĐỊNH GỠ HỢP PHÁP CẤP HỘ GIA ĐÌNH TẠI TỈNH HÒA BÌNH

Hồ Ngọc Sơn^{1*}, Bùi Tuấn Tuấn²

¹Trường Đại học Nông Lâm - ĐH Thái Nguyên,

²Trung tâm Nghiên cứu phát triển nông lâm nghiệp miền núi

TÓM TẮT

Nghiên cứu này đã xác định hiện trạng ban đầu về đáp ứng qui định gổ hợp pháp tại tỉnh Hòa Bình của 2 nhóm đối tượng dễ bị tổn thương trong chuỗi cung gổ: (1) *nhóm hộ trồng và khai thác gổ*: 94% số hộ cho biết khai thác gổ cần có hồ sơ khai thác; 76% số hộ biết cần có quyền sử dụng đất; 28% số hộ biết cần có bằng kê lâm sản; 18% nói rằng cần có hóa đơn giá trị gia tăng; 24% hộ khai thác nói có biên bản xác nhận dấu búa kiểm lâm đối với gổ tự nhiên, gổ quý hiếm theo quy định; số hộ lưu giữ hồ sơ khai thác là rất thấp (28%); và (2) *nhóm hộ chế biến gổ*: Các hộ tham gia học tập về quy định vận chuyển mua bán gổ chỉ có 14% (7 hộ), quy định về trồng, bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng chỉ có 2-4%, chưa hộ nào được tham gia tập huấn, hội thảo về FLEGT/VPA; có 20% số hộ chưa có giấy phép kinh doanh theo quy định; 34% số hộ đáp ứng được các quy định về phòng cháy chữa cháy và an toàn lao động; 38% số hộ có/giữ sổ theo dõi xuất nhập lâm sản; năm 2015, chỉ có 28% (14 hộ) lưu giữ hồ sơ mua bán gổ. Có thể thấy rằng mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn gổ hợp pháp của nhóm trồng và chế biến gổ theo qui định của Hiệp định VPA là rất thấp.

Từ khóa: Gổ hợp pháp, quản trị rừng, trồng rừng, chế biến gổ, Hòa Bình

ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam tham gia Hiệp định đối tác tự nguyện (VPA) với Liên minh Châu Âu (EU) về “Thực thi lâm luật, quản trị rừng và thương mại lâm sản - FLEGT”. Hiệp định VPA/FLEGT với hai phụ lục quan trọng là Định nghĩa gổ hợp pháp (LD) và Hệ thống đảm bảo gổ hợp pháp (TLAS) của Việt Nam. Khi VPA được ký kết và thực hiện, các yêu cầu về tính hợp pháp của gổ sẽ được áp dụng. Điều này sẽ có tác động đến các đối tượng trong khai thác, sản xuất, chế biến và kinh doanh sản phẩm gổ. Nhóm hộ trồng - khai thác rừng và nhóm hộ sơ chế - chế biến gổ là đối tượng dễ bị tổn thương trong tiến trình VPA FLEGT [4]. Nghiên cứu này tại Hòa Bình là một hoạt động của Mạng lưới VNGO-FLEGT nhằm cung cấp thông tin về khả năng đáp ứng tiêu chí gổ hợp pháp (LD) của các đối tượng dễ bị tổn thương: (1) nhóm trồng, khai thác gổ và (2) nhóm chế biến gổ [1]. Đánh giá ban đầu làm mốc tham chiếu đầu tiên trong tiến trình giám sát VPA của CSO Việt Nam. Nghiên cứu này được thực hiện

trong khuôn khổ dự án “Thúc đẩy chương trình FLEGT tại vùng Đông Nam Á thông qua sự tham gia chủ động của các CSO”, do EU tài trợ trong 3 năm (2014 - 2016) [3].

Mục tiêu nghiên cứu nhằm đánh giá được khả năng, mức độ đáp ứng tiêu chuẩn gổ hợp pháp của nhóm hộ (1) trồng rừng, khai thác và vận chuyển gổ; (2) chế biến gổ tại tỉnh Hòa Bình. Phân tích được nguyên nhân của các vấn đề chưa đáp ứng định nghĩa gổ hợp pháp. Đề xuất giải pháp góp phần tăng cường khả năng đáp ứng tiêu chuẩn gổ hợp pháp.

ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu

100 hộ dân đang tham gia các hoạt động trồng, khai thác, vận chuyển và chế biến gổ của tỉnh Hòa Bình: Huyện Đà Bắc, Kỳ Sơn và thành phố Hòa Bình. Các địa điểm này có nhiều diện tích rừng sản xuất, có các hoạt động khai thác và sơ chế, chế biến gổ phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, đây là các tiêu chí đáp ứng yêu cầu của nghiên cứu tham vấn cho VPA [2].

* Tel: 0976 501716, Email: hongocson@tuaf.edu.vn

Nội dung nghiên cứu

Nội dung 1: Nhóm trồng rừng, khai thác gỗ

- + Đặc điểm kinh tế - xã hội của nhóm hộ.
- + Hiểu biết về pháp luật liên quan của nhóm hộ.
- + Khả năng đáp ứng các quy định pháp luật của nhóm hộ.
- + Phân tích các vấn đề và nguyên nhân.

Nội dung 2: Nhóm sơ chế, chế biến gỗ.

- + Thông tin cơ bản của nhóm hộ.
- + Hiểu biết về pháp luật liên quan của nhóm hộ.
- + Khả năng đáp ứng các quy định pháp luật của nhóm hộ.
- + Phân tích các vấn đề và nguyên nhân.

Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu kết hợp cả phương pháp định tính và định lượng nhằm củng cố độ tin cậy cho kết quả nghiên cứu.

Sử dụng bộ mẫu bảng hỏi điều tra

Phỏng vấn 100 hộ với bộ bảng hỏi chuẩn bị sẵn, trong đó: 50 hộ trồng, khai thác và vận chuyển gỗ; 50 hộ chế biến gỗ.

Thảo luận sâu

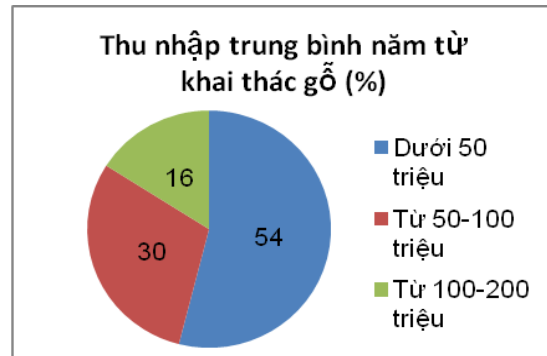
Sau khi phỏng vấn từng hộ thuộc 2 nhóm đối tượng, nhóm nghiên cứu tiến hành họp, thảo luận và lựa chọn vấn đề chính liên quan đến khả năng đáp ứng quy định của nhà nước về trồng-khai thác và chế biến gỗ của các nhóm hộ để thực hiện phân tích cây vấn đề nhằm tìm ra nguyên nhân và giải pháp cho các vấn đề đó.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Nhóm hộ trồng rừng, khai thác gỗ

Đặc điểm kinh tế - xã hội của nhóm hộ

100% người trả lời phỏng vấn là nam giới, phụ nữ thường từ chối trả lời. Trình độ học vấn phổ biến là trung học cơ sở, chiếm 58%. Số hộ thuộc nhóm kinh tế khá trở lên chiếm 94%, chỉ có 6% thuộc nhóm cận nghèo. Thu nhập từ khai thác, vận chuyển mua bán gỗ là không liên tục. Thu nhập trung bình của nhóm hộ từ khai thác gỗ là dưới 50 triệu đồng (54%), số hộ có thu nhập từ 50 - 100 triệu chiếm 30%, chỉ có 16% số hộ có thu nhập trên 100 triệu đồng/năm (Hình 1).

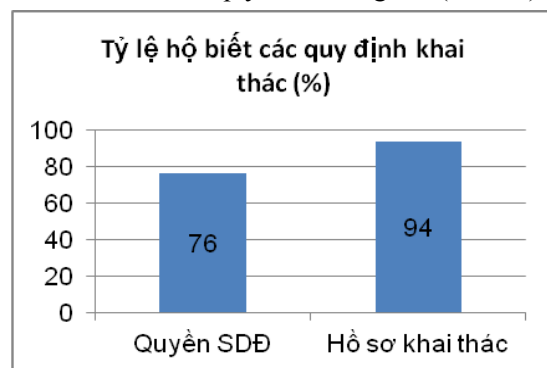


Hình 1. Thu nhập trung bình từ khai thác gỗ

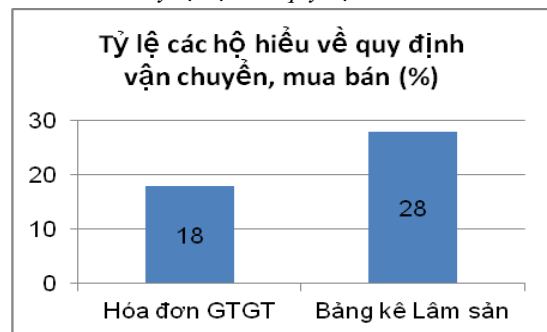
Kết quả nghiên cứu còn cho biết: Tỷ lệ nhóm hộ trồng, khai thác gỗ có tổng thu nhập từ gỗ chủ yếu là từ 25 - 50% (52% số hộ). Số hộ có tỷ lệ thu nhập từ gỗ chiếm 50 - 75% tổng thu nhập của hộ là 28%.

Hiểu biết về pháp luật liên quan của nhóm hộ

Nhìn chung, đa số các hộ biết về các quy định liên quan đến khai thác gỗ. 94% số hộ cho biết khai thác gỗ cần có hồ sơ khai thác, 76% số hộ biết cần có quyền sử dụng đất (Hình 2).



Hình 2. Tỷ lệ hộ biết quy định về khai thác



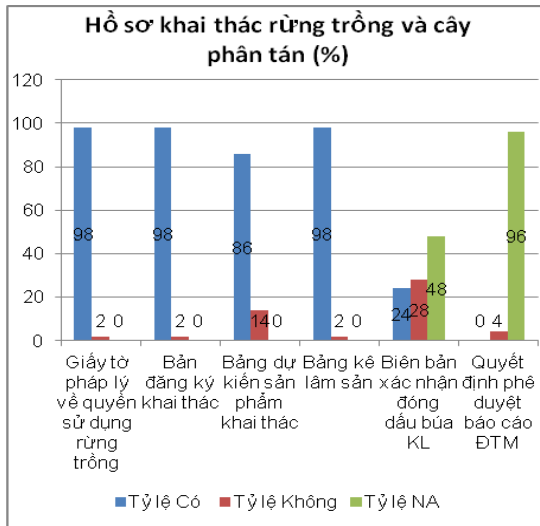
Hình 3. Tỷ lệ hộ biết quy định vận chuyển gỗ

Tuy nhiên, số hộ biết về các quy định vận chuyển, mua bán gỗ chiếm tỷ lệ nhỏ (ví dụ 28% số hộ biết cần có bảng kê lâm sản). Số

hộ này là những hộ khai thác thường xuyên, có thu nhập từ gỗ chiếm trên 50% tổng thu nhập của hộ. 18% nói rằng cần có hóa đơn giá trị gia tăng (Hình 3).

Khả năng đáp ứng các quy định pháp luật của nhóm hộ

Kết quả khảo sát cho thấy, trong 90% số hộ khai thác có rừng trồng và/hoặc cây phân tán, hầu hết các hộ (98%) có giấy tờ quyền sử dụng đất, hồ sơ khai thác như đơn đăng ký, bảng kê, bảng dự kiến sản phẩm (Hình 4). 24% hộ khai thác nói có biên bản xác nhận dấu búa kiểm lâm đối với gỗ tự nhiên, gỗ quý hiếm theo quy định.



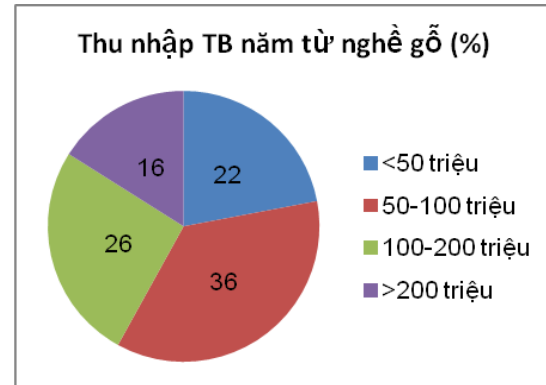
Hình 4. Tỷ lệ hộ đáp ứng quy định về khai thác vận chuyển gỗ

Gỗ khi được vận chuyển, mua bán hầu hết có bảng kê lâm sản đã được lập trong quá trình làm thủ tục khai thác. Số hộ có hóa đơn giá trị gia tăng và biên bản xác nhận dấu búa kiểm lâm ít (24 - 28%) do gỗ mua từ hộ gia đình khai thác và gỗ rừng trồng của hộ tự bỏ vốn. Tuy nhiên, số hộ lưu giữ hồ sơ khai thác là rất thấp (28% số hộ, năm 2014) các hộ có lưu giữ chủ yếu là các hộ người Kinh có trình độ học vấn cao hơn. Trong quá trình khai thác, vận chuyển gỗ, nhìn chung rất ít hộ nộp thuế môn bài và thuế thu nhập. Nguyên nhân là do các hộ này có quy mô sản xuất nhỏ, làm theo thời vụ nên doanh thu thấp. Các hộ chủ yếu nộp các loại lệ phí như phí bến bãi, vận chuyển.

Phân tích các vấn đề và nguyên nhân

Các vấn đề của nhóm hộ trồng rừng, khai thác gỗ liên quan đến khả năng đáp ứng các quy định của nhà nước về trồng rừng, khai thác và vận chuyển gỗ gồm có thiếu giấy tờ, hồ sơ quy định về khai thác vận chuyển gỗ, chi phí về thời gian và kinh tế khi xin cấp phép khai thác, lưu thông hàng hóa. Sau phân tích vào thảo luận nhận thấy, vấn đề chính của nhóm hộ này là chưa đáp ứng đầy đủ các quy định về vận chuyển gỗ.

Các vi phạm của hộ thường liên quan đến vận chuyển quá khổ quá tải, một số hộ chưa đáp ứng quy định về dấu búa kiểm lâm. Tuy nhiên, các vấn đề về dấu búa kiểm lâm, quy định tính khối lượng gỗ (theo m³ hay Ster) không nhất quán, mâu thuẫn trong cách làm việc. Khi người dân xin cấp phép khai thác đã được kiểm lâm địa bàn chấp nhận nhưng khi vận chuyển dù có giấy tờ thì người dân vẫn bị các cơ quan như kiểm lâm, công an kiểm tra, làm khó dễ dẫn đến việc phải bỏ thêm chi phí, gây bức xúc cho các hộ vận chuyển.



Hình 5. Thu nhập trung bình từ nghề gỗ

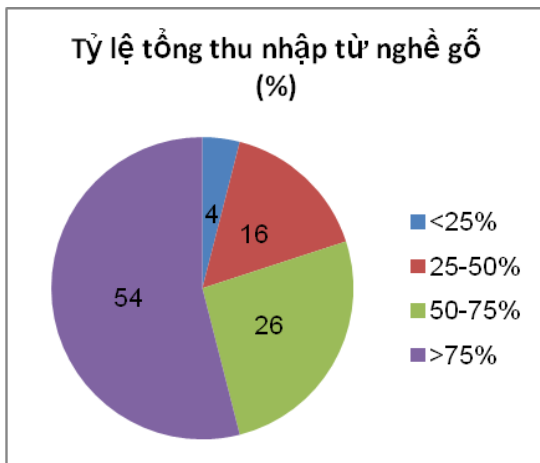
Nhóm hộ chế biến gỗ

Thông tin cơ bản của nhóm hộ

Nhóm hộ chế biến gỗ tham gia phỏng vấn chủ yếu là nam giới (96%). Chủ yếu là người Kinh, thường là hộ di cư từ vùng khác, vùng đồng bằng đến. Kinh tế của nhóm hộ thuộc nhóm khá trở lên (98%), chỉ 2% là thuộc cận nghèo. Trình độ dân trí khá cao, 40% tốt nghiệp trung học cơ sở, 60% tốt nghiệp trung học phổ thông. Khảo sát cho thấy thu nhập

chính của nhóm chế biến gỗ là từ các hoạt động chế biến gỗ (40 hộ, tương đương 80%, nam giới đảm nhận). Thu nhập trung bình năm của nhiều hộ từ nghề gỗ là khá lớn. 36% số hộ có thu nhập từ 50 - 100 triệu đồng, 26% số hộ có thu nhập từ 100 - 200 triệu đồng/năm, 16% số hộ có thu nhập trên 200 triệu đồng/năm, 22% số hộ có thu nhập nhỏ hơn 50 triệu/năm (hộ làm đồ mộc gia đình quy mô nhỏ) (Hình 5).

Với nhóm hộ chế biến gỗ thì nghề chế biến gỗ là ổn định, nguồn thu nhập chính của hộ gia đình. 54% số hộ có thu nhập từ gỗ chiếm trên 75% tổng thu nhập của hộ gia đình, 26% số hộ có thu nhập từ nghề gỗ chiếm 50 - 75% tổng thu nhập (Hình 6).



Hình 6. Cơ cấu thu nhập từ nghề gỗ

Hiểu biết về pháp luật liên quan của nhóm hộ

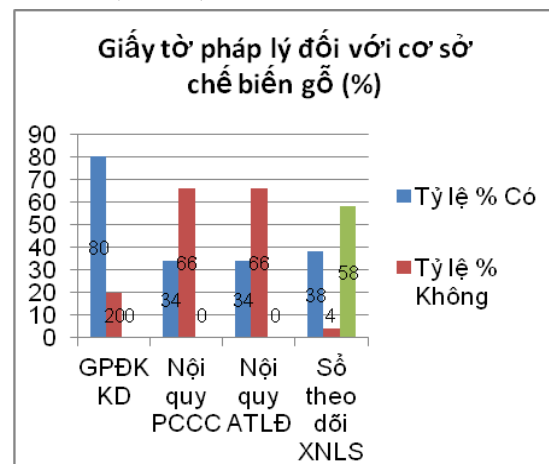
Hiểu biết của hộ gia đình về các quy định liên quan đến chế biến gỗ (giấy phép kinh doanh, nguồn gốc gỗ) và vận chuyển mua bán gỗ nhìn chung còn rất hạn chế. Kết quả này còn một phần do hạn chế về cơ hội được tập huấn, nâng cao năng lực hiểu biết về các quy định và còn sự không quan tâm của người dân đối với các quy định, hướng dẫn liên quan của nhà nước, hiệu quả chưa cao của các lớp tập huấn.

Các hộ tham gia nhiều nhất là học tập về quy định vận chuyển mua bán gỗ cũng chỉ có 14% (7 hộ); Các quy định về trồng, bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng cũng chỉ có 2 - 4% số hộ đã tham gia); Chưa hộ

nào được tham gia tập huấn, hội thảo về chủ đề thực thi lâm luật, quản trị rừng và thương mại lâm sản.

Khả năng đáp ứng các quy định pháp luật của nhóm hộ

Nhìn chung các hộ chế biến chưa đáp ứng đầy đủ các quy định của nhà nước đối với cơ sở chế biến gỗ. Cụ thể, có 20% số hộ chưa có giấy phép kinh doanh theo quy định, các hộ giải thích là do quy mô nhỏ, làm theo vụ và đơn đặt hàng không liên tục nên muốn giảm chi phí đăng ký kinh doanh. Chỉ có 34% số hộ đáp ứng được các quy định về phòng cháy chữa cháy và các quy định về an toàn lao động. 38% số hộ có/giữ sổ theo dõi xuất nhập lâm sản (Hình 7).

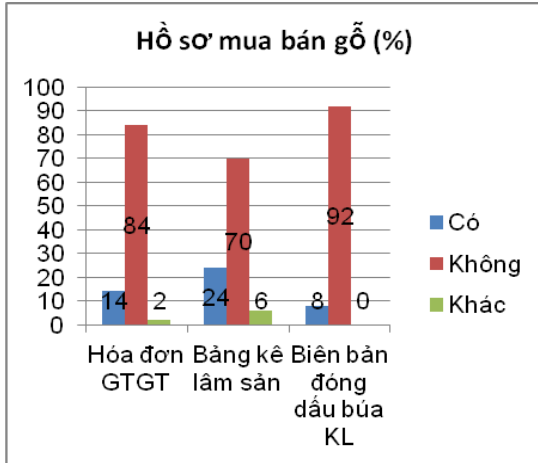


Hình 7. Tỷ lệ hộ kinh doanh có giấy tờ pháp lý

Các hộ đáp ứng tốt các quy định là các hộ có trình độ học vấn cao hơn (tốt nghiệp trung học phổ thông), có thu nhập cao, họ thường sản xuất quy mô lớn hơn.

Liên quan đến hồ sơ nguồn gốc gỗ đưa vào chế biến, tỷ lệ hộ đáp ứng cao nhất là bảng kê lâm sản (66%), 40% hộ có hóa đơn giá trị gia tăng, 10% số hộ có biên bản đóng dấu búa của kiểm lâm. Số hộ có vận chuyển mua bán gỗ của nhóm này khá ít, khoảng 28%. Tỷ lệ hộ chế biến có đủ giấy tờ, hồ sơ vận chuyển, mua bán gỗ theo quy định cũng rất hạn chế. Chỉ có 24% số hộ có bảng kê lâm sản, 76% số hộ không có bảng kê (Hình 8) được giải thích là họ mua gỗ từ người khai thác đã có đủ giấy tờ,

nguồn gốc rõ ràng nên không cần có bảng kê và kiểm lâm địa bàn đã biết rõ việc này. Còn lại là những hộ chấp hành tốt là hộ người Kinh.



Hình 8. Hộ có hồ sơ mua bán gỗ theo quy định

Tương tự như nhóm khai thác, tỷ lệ lưu giữ hồ sơ mua bán gỗ của nhóm hộ chế biến gỗ cũng rất thấp. Cụ thể, năm gần nhất 2014 cũng chỉ có 28% (14 hộ) lưu giữ hồ sơ, năm 2013 tỷ lệ này chỉ có 22%. Nguyên nhân được giải thích là họ thường mua, chế biến số lượng ít, mua về chế biến xong là bỏ hồ sơ.

Phân tích các vấn đề và nguyên nhân

Vấn đề nổi cộm nhất là việc nhiều cơ sở chế biến chưa đáp ứng đủ các quy định của Nhà nước đối với các cơ sở chế biến theo NĐ35 về phòng chống cháy nổ, Luật Lao động, Luật Doanh nghiệp (Hình 8). Nguyên nhân của các vấn đề này được xác định chủ yếu do vấn đề thực thi pháp luật của các cơ quan chức năng còn hạn chế. Tâm lý nể nang trong công việc còn nặng nề làm cho người dân không thực sự quan tâm đến vấn đề thực hiện đúng quy định. Vẫn còn nhiều hộ chưa có giấy phép nhưng cũng chỉ thường xuyên bị nhắc nhở, chưa xử phạt. Bên cạnh đó thì nhận thức hạn chế làm cho nhiều hộ không quan tâm, chú ý đến việc chấp hành quy định của Nhà nước.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết luận

Nhìn chung gỗ khai thác và chế biến tại Hòa Bình chủ yếu là gỗ rừng trồng. Rừng trồng về cơ bản có đầy đủ giấy tờ theo quy định như

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hầu hết các hộ khai thác gỗ đều làm thủ tục xin cấp phép khai thác. Tuy nhiên, việc tuân thủ các quy định của nhà nước liên quan đến khai thác, vận chuyển, mua bán và chế biến nói chung còn rất hạn chế. Trong đó vấn đề chính là việc chưa đáp ứng được các quy định về vận chuyển gỗ như thiếu hồ sơ, giấy tờ theo quy định. Đây là vấn đề rất đáng quan tâm, cần được cải thiện trong tương lai. Nguyên nhân chính của việc chưa đáp ứng là do việc thực thi lâm luật và quản trị rừng tại địa phương chưa tốt dẫn đến nhiều vấn đề khác như bất tuân thủ, thờ ơ của người dân ảnh hưởng đến việc thực hiện các quy định về tiêu chuẩn gỗ hợp pháp.

Đối với nhóm hộ chế biến gỗ thì nhìn chung quy mô sản xuất khá nhỏ. Gỗ mua chế biến là gỗ có nguồn gốc, được thu mua tại địa phương từ rừng trồng, cây phân tán vườn nhà được kiểm lâm địa bàn xác nhận, mặc dù một số hộ không lưu giữ hồ sơ do thói quen và nhận thức. Tuy nhiên, việc đáp ứng các quy định của Nhà nước về vệ sinh môi trường, cháy nổ, an toàn lao động, đăng ký kinh doanh rất hạn chế. Nhiều hộ, chủ yếu là quy mô nhỏ và hoạt động không liên tục, chưa có giấy phép kinh doanh. Các hộ có giấy phép kinh doanh nhưng thực tế cũng chưa đáp ứng đầy đủ các quy định của Nhà nước đối với các cơ sở chế biến gỗ. Nguyên nhân chính vẫn là việc thực thi pháp luật tại địa phương còn hạn chế. Tập quán, thói quen làm ăn quy mô nhỏ, manh mún từ lâu của người dân chưa có nhiều thay đổi. Bên cạnh đó, nhận thức pháp luật của người dân cũng còn hạn chế ảnh hưởng đến việc chấp hành các quy định.

Kiến nghị

Đối với Tổng cục Lâm nghiệp

Đẩy mạnh hơn nữa vai trò định hướng, hỗ trợ người dân xây dựng những giải pháp tổng thể về quy hoạch nguồn nguyên liệu, định hướng trồng rừng gắn với nhu cầu thị trường. Triển khai và thực hiện chiến lược truyền thông về FLEGT một cách đồng bộ trong các cơ quan

thực thi lâm luật và trong cộng đồng dân cư, giữa các ngành dọc, các cơ quan liên ngành, từ cấp trung ương đến địa phương. Chú ý đến yếu tố giới trong xây dựng các chính sách hỗ trợ phát triển ngành lâm nghiệp.

Đối với chi cục lâm nghiệp, chi cục kiểm lâm, hạt kiểm lâm

Tăng cường các hoạt động giám sát việc thực thi các chính sách tại các địa phương và có các hoạt động hỗ trợ thực thi các chính sách, huy động sự tham gia của cộng đồng, các tổ chức xã hội đảm bảo tính hiệu quả, nghiêm minh. Chú ý tăng sự tham gia của các nữ chủ hộ trong các lần tham gia tập huấn, hoặc hướng dẫn trực tiếp về thực hiện các quy định lâm luật trong khai thác, vận chuyển, chế biến gỗ.

Đối với chính quyền địa phương

Cần hỗ trợ, chỉ đạo các cơ quan liên ngành trong việc hỗ trợ Chi cục kiểm lâm triển khai các hoạt động thực thi lâm luật trên địa bàn.

Đối với người dân

Cần khơi dậy tính chủ động, tinh thần ham học hỏi, hiểu biết về các chính sách pháp luật

liên quan đến công việc và đời sống kinh tế xã hội. Thường xuyên cập nhật các thông tin về các quy định đáp ứng gỗ hợp pháp, tuân thủ các quy định khai thác, vận chuyển gỗ của nhà nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ADC (2015), *Đánh giá khả năng đáp ứng tiêu chuẩn gỗ hợp pháp cấp hộ gia đình tỉnh Hòa Bình*, Báo cáo nghiên cứu, Trung tâm Nghiên cứu phát triển nông lâm nghiệp miền núi (ADC), Trung tâm Tây Bắc.
2. Chi cục Kiểm lâm tỉnh Hòa Bình (2015), *Báo cáo Kết quả công tác Kiểm lâm năm 2014 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2015*.
3. SRD (2016), *Báo cáo đánh giá hiện trạng ban đầu về tuân thủ định nghĩa gỗ hợp pháp cấp hộ gia đình tại Việt Nam*, Trung tâm phát triển nông thôn bền vững (SRD).
4. VNGO-FLEGT (2014), *Báo cáo đánh giá tác động tiềm tàng của VPA đến sinh kế của nhóm đối tượng dễ bị tổn thương*, Mạng lưới các tổ chức phi chính phủ về Thực thi lâm luật, quản trị rừng và thương mại lâm sản (VNGO-FLEGT).

SUMMARY

ASSESSMENT OF COMPLIANCE WITH TIMBER LEGALITY DEFINITION AT HOUSEHOLD LEVEL IN HOA BINH PROVINCE

Ho Ngọc Sơn^{1*}, Bui Tuan Tuan²

¹University of Agriculture and Forestry – TNU,

²Agriculture and Forestry Research & Development Centre for Mountainous Region

Study assessed the current status of complying with timber legality definition of two groups in Hoa Binh province. For plantation and timber harvest households, 94% households know about timber harvest regulations; 76% households have land use rights; 28% households have forest harvest plan; 18% know they need to have VAT bill; 24% have papers checked by forest ranger; however, very few households keep their harvest papers (28%). For timber processing households, only 14% households participated in trainings about wood harvest and transport regulations; very few households participated in trainings about forest plantation, forest fire prevention (2-4%), and no households know about FLEGT/VPA; 20% households do not have business permit for timber processing; 34% households meet the demands of safety and fire management regulations; 38% households keep their timber monitoring books; and only 28% keep their timber trade books. It can be seen that the level of meeting legality definition at household level is quite low for both groups.

Key words: Timber legality, forest governance, plantation, timber processing, Hoa Binh

Ngày nhận bài: 12/4/2017; Ngày phản biện: 27/4/2017; Ngày duyệt đăng: 31/7/2017

* Tel: 0976 501716, Email: hongocson@tuaf.edu.vn